

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-02-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Lang

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Phương Thảo– Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 1829/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bảo T

Địa chỉ: phường C, thành phố Đ, TP. H.

- Bị đơn: Ông Lại Thiện T1

Địa chỉ: Phường A, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 9 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Bảo T trình bày: Bà và Lại Thiện T1 quen biết tìm hiểu nhau, sau đó có tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 207 ngày 01/12/2018 tại UBND Phường A, quận B, Thành phố P. Sau một thời gian chung sống ông, bà chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó giữa ông, bà xảy ra mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung, Vào năm 2019 ông

T1 thường xuyên ra ngoài khi có cuộc gọi của người bạn cùng giới, dù bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T1 không nghe và còn đi thường xuyên hơn, trong quá trình chung sống bà nhiều lần nói muốn có con nhưng ông T1 lấy lý do kinh tế chưa ổn định nên không muốn có con. Trong 5 năm chung sống bà là người lo tài chính, ông T1 không phụ bà được khoản nào để lo cho gia đình. Đến tháng 01/2023 giữa bà và ông T1 xảy ra xung đột nhiều hơn đến tháng 07/2023 thì bà dọn ra ngoài sống. Nay tình cảm bà dành cho ông T1 không còn bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lại Thiện T1 trình bày: Ông thừa nhận trong quá trình chung sống trước đây ông có không quan tâm bà T nhiều, cũng thừa nhận có người bạn cùng giới nhưng đó là sự hiểu lầm của bà T người bạn mà ông quen rất thân và có tình cảm hơn cả anh em ruột chứ không có gì khác, do trước đây công việc không ổn định nên kinh tế do bà T và gia đình vợ lo cho ông. Giờ công việc của ông đã ổn định và ông cũng muốn có con và mong muốn được đoàn tụ với bà T. Đối với yêu cầu ly hôn của bà T ông không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Bảo T có đơn xin xét xử vắng mặt; Trong đơn bà T cho rằng tình cảm bà dành cho ông T1 đã không còn thời gian 05 năm chung sống với ông T1 là một thời gian dài bà đã chịu đựng đủ nên kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, nộp án phí, lệ phí;

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Bảo T

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Lê Thị Bảo T thì đây là vụ án về tranh chấp ly hôn. Hiện nay, bị đơn ông Lại Thiện T1 đang cư trú tại quận B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố P theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 207 ngày 01/12/2018 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố P cấp, cùng lời khai của bà T và ông T1 về việc các đương sự tự nguyện kết hôn, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T cho rằng trong quá trình chung sống hôn nhân giữa ông bà chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó giữa ông, bà xảy ra mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung, ông T1 thường bỏ bà ở nhà để đi với người bạn cùng giới, dù bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T1 vẫn không nghe, từ khi kết hôn bà là người lo tài chính kinh tế dù sống ở nhà chồng nhưng mỗi tháng bà vẫn trả tiền trọ, ông T1 không đưa tiền phụ bà, bà tha thiết muốn có đứa con để an ủi nhưng ông T1 không đồng ý, bà đã chung sống với ông T1 gần 5 năm cũng đã cố gắng bỏ qua cho ông T1 hết lần này đến lần khác nhưng vẫn không có kết quả. Ông T1 cũng thừa nhận những lời trình bày của bà T là đúng tuy nhiên về mối quan hệ người khác giới thì chỉ là hiểu lầm của bà T chứ ông chỉ xem người bạn đó thân thiết hơn anh em ruột mà thôi, nhưng ông đã biết trước đây ông đã không dành thời gian và tình cảm nhiều cho bà T nay ông mong được bù đắp cho bà T. Qua lời trình bày cũng như những chứng cứ đương sự đã cung cấp. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đó cũng là quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp nhưng ông T1 lại không quan tâm chia sẻ chăm sóc nhau, bà T là phụ nữ chung sống với ông gần 5 năm đã trao tình cảm và chịu đựng ông T1 với mong muốn có một gia đình trọn vẹn, nhưng với một khoản thời gian gần 5 năm không phải là ngắn mà chỉ có bà T là người vun vén tình cảm trao đi không được nhận lại dần dần tình cảm của bà T dành cho ông T1 không còn nữa nên dù ông T1 trình bày là mong có được đoàn tụ để bù đắp cho bà T nhưng bà T lại kiên quyết không đồng ý và hiện tại bà cũng không muốn gặp ông T1, không muốn liên lạc gì với ông T1 nữa cho thấy sự kiên quyết muốn ly hôn của bà T. Xét thấy rằng tình cảm vợ chồng

là phải được cả hai bên vun đắp, ông T1 đã làm tổn thương tình cảm của bà T dành cho ông. Ông đã không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm tổn thương tình cảm của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1 là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Các đương sự cùng thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T1 khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng bà Lê Thị Bảo T phải chịu (theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bảo T về việc xin ly hôn với ông Lại Thiện T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bảo T được ly hôn với ông Lại Thiện T1 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 207 ngày 01/12/2018 tại UBND Phường A, quận B, Thành phố H cấp hết hiệu lực).

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng bà Lê Thị Bảo T phải chịu nhưng được cản trừ án phí ly hôn vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2023/0028640 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường 12, Q.Bình Thạnh, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Tuyết Lạnh